

Số : 332 /LĐTBXH-VP

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

V/v trả lời kiến nghị cử tri tại kỳ họp  
thứ 6 Quốc hội khoá XIII, lĩnh vực bảo  
hiểm xã hội, lao động - tiền lương,  
pháp chế

Kính gửi: Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Trả lời Công văn số 731/BDN ngày 16/12/2013; Công văn số 02/BDN ngày 07/01/2014 của Ban Dân nguyện và Công văn số 404/VPCP-V.III ngày 16/01/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIII, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin báo cáo như sau:

1. Cử tri phản ánh, trước đây một số người tham gia chiến đấu, phục vụ ở chiến trường chống Mỹ, đến ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước thì về tiếp quản và có tham gia công tác tại một số cơ quan, đơn vị của nhà nước. Tuy nhiên, do điều kiện sống của gia đình họ lúc đó quá khó khăn nên phải nghỉ việc giữa chừng, không có quyết định cho thôi việc, đến nay họ vẫn chưa được hưởng bất cứ chế độ nào đối với khoảng thời gian họ tham gia kháng chiến và làm việc tại các cơ quan, đơn vị của nhà nước sau khi đất nước thống nhất. Trong khi đó, hiện nay có một số người đang công tác tại các cơ quan, đơn vị nhưng vì phạm pháp luật hình sự, bị xử án tù giam nhiều năm nhưng sau khi ra tù vẫn được hưởng chế độ hưu trí. Những đối tượng nêu trên là không nhiều, đề nghị rà soát, xem xét, giải quyết cho hưởng chế độ đối với những người này tùy thuộc vào thời gian họ đã tham gia kháng chiến và làm việc tại các cơ quan, đơn vị của nhà nước vì hoàn cảnh sống hiện nay của các đối tượng này rất khó khăn, hầu hết đều đã lớn tuổi.  
(Kiến nghị số 50 của Cử tri thành phố Đà Nẵng)

Theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội trước năm 1995 thì các trường hợp không do yêu cầu của tổ chức mà công nhân, viên chức tự ý xin thôi việc, quân nhân xin giải ngũ vì hoàn cảnh riêng thì thời gian công tác trước khi nghỉ việc không được tính để hưởng bảo hiểm xã hội.

Trong thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản nhằm giải quyết chế độ, chính sách đối với quân nhân, công an nhân dân có thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã phục viên, xuất ngũ về địa phương hiện không được hưởng chế độ hưu trí (Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ). Theo đó, giải quyết trợ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có dưới 20 năm

công tác trong quân đội, đã phục viên, xuất ngũ về địa phương hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hàng tháng; giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần, chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

2. Hiện nay, tiền lương chúng ta có hai loại: lương căn bản (lương tối thiểu vùng) và lương tổng. Tuy nhiên, có bất cập là lương tối thiểu của người lao động, đặc biệt là công nhân rất thấp so với mức lương tổng (có phụ cấp thêm), mức lương cơ bản này được dùng để người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, là cơ sở để tính phụ cấp thai sản và lương hưu sau này. Như vậy, vấn đề không hợp lý là người lao động lẽ ra phải đóng bảo hiểm xã hội trên tổng lương thay vì lương cơ bản, điều này sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động khi nghỉ hưu. Cử tri đề nghị có điều chỉnh phù hợp với mức lương cơ bản hoặc chỉ áp dụng trên tổng tiền lương để người lao động tham gia bảo hiểm xã hội được đảm bảo quyền lợi sau này. (Kiến nghị số 126 của Cử tri tỉnh Bình Dương)

Theo quy định tại khoản 2 Điều 94 Luật Bảo hiểm xã hội 2006 thì: “Đối với người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội là *mức tiền lương, tiền công ghi trong hợp đồng lao động*”; khoản 1 Điều 90 và điểm đ khoản 1 Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định “Tiền lương bao gồm *mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác*” và hợp đồng lao động phải có nội dung “*mức lương, hình thức trả lương, thời hạn trả lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác*”.

Đối chiếu với quy định của Bộ luật Lao động năm 2012 và Luật Bảo hiểm xã hội nêu trên thì từ ngày 01/5/2013, tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định là *mức tiền lương ghi trong hợp đồng lao động bao gồm mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác*. Như vậy, theo quy định của pháp luật hiện hành thì mức tiền lương làm căn cứ tính đóng và hưởng bảo hiểm xã hội đã được quy định dựa trên cơ sở tổng thu nhập từ tiền lương của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

3. Đề nghị Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội xem xét bổ sung thêm đối tượng cán bộ hưu trí được hưởng tăng lương tối thiểu theo Nghị định số 66/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/6/2013. (Kiến nghị số 127 của Cử tri tỉnh Kiên Giang)

Ngày 15/7/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2013/NĐ-CP về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc; theo đó, căn cứ dựa trên tỷ lệ của mức tiền lương cơ sở được quy định tại Nghị định số 66/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/6/2013 so với mức lương tối thiểu chung là 1,095 (1.150.000 đồng so với 1.050.000 đồng), thì các đối tượng cán bộ hưu trí đã được điều chỉnh mức tăng lương hưu tương ứng thêm 9,6% so với mức lương hưu hiện hưởng.

Ngày 21/8/2013, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội cũng đã ban hành Thông tư số 13/2013/TT-BLĐTBXH hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ.

4. Quan tâm có chính sách đối với đối tượng có thời gian tham gia công tác 19 năm, nghỉ theo chế độ hưởng trợ cấp tính theo thời gian đóng bảo hiểm 75% lương. Hiện nay chỉ quy định những đối tượng có thời gian công tác 20 năm thì mới được nghỉ hưu theo chế độ, như vậy những người dưới 20 năm công tác rất thiệt thòi (Kiến nghị số 134 của Cử tri tỉnh Tuyên Quang)

Công ty vận tải ô tô Quảng Bình được phong tặng danh hiệu anh hùng LLVTND thời kỳ chống Mỹ. Thực hiện tinh giản biên chế có 120 cán bộ, công nhân viên về nghỉ việc với mức phụ cấp rất ít ỏi. Đề nghị Bộ xem xét giải quyết cho những người có thời gian công tác từ 15 năm đến dưới 20 năm hoạt động trong vùng chiến sự được hưởng chế độ hưu trí để khỏi thiệt thòi (Kiến nghị số 207 của Cử tri tỉnh Quảng Bình)

Kiến nghị số 134, 207 liên quan đến thời gian công tác để hưởng chế độ hưu trí, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời chung như sau:

Theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội thì người lao động tham gia bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi đảm bảo điều kiện về tuổi đời và thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu (đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội). Người lao động không đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí hàng tháng thì giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần. Quy định này nhằm đảm bảo khả năng cân đối tài chính của quỹ bảo hiểm xã hội, theo đó người lao động phải tích lũy đủ số năm đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội thì mới được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng.

Để tạo điều kiện cho những người đã có đủ điều kiện về tuổi đời nhưng chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP ngày 28/12/2007 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện quy định người lao động nghỉ việc đã hết tuổi lao động, có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, có nhu cầu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thì được đóng tiếp bảo hiểm tự nguyện cho đến khi đủ 20 năm để hưởng lương hưu hàng tháng.

5. Cử tri cho rằng việc tăng lương hưu theo tỷ lệ % khi điều chỉnh tăng lương chung là chưa công bằng. Cử tri đề nghị, có thể xem xét khi tăng lương cho đối tượng hưu trí, nên có một mức tăng chung bằng một số tiền cụ thể (như tăng 300.000đ, 500.000đ,...) cho tất cả các đối tượng hưởng lương hưu vừa góp phần cải thiện đời sống các đối tượng có mức lương thấp vừa đảm bảo công bằng. (Kiến nghị số 131 của Cử tri tỉnh Khánh Hòa; Kiến nghị số 226 của Cử tri tỉnh Nghệ An; Kiến nghị số 01 của Cử tri tỉnh Nghệ An theo Công văn số 02/BDN ngày 07/01/2014 của Ban Dân nguyện)

Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét việc điều chỉnh tăng mức lương hưu hiện nay theo hướng người có mức lương hưu cao thì tăng tỷ lệ thấp, người có mức lương hưu thấp thì tăng tỷ lệ cao hơn, mục đích giảm khoảng cách đối với những người hưởng lương hưu nhất là những người nghỉ hưu trước

năm 1994. (Kiến nghị số 132 của Cử tri tỉnh Thái Nguyên)

Chế độ cán bộ hưu trí thời điểm năm 2000 trở về trước mức lương rất thấp; tuy cải cách tiền lương có tăng nhưng tính tỷ lệ % nên số tăng không nhiều so với cán bộ hưu trí thời gian sau năm 2000. Đề nghị có chính sách điều chỉnh cho hợp lý. (Kiến nghị số 128 của Cử tri thành phố Cần Thơ)

Cử tri tiếp tục bức xúc và cho rằng chính sách lương hưu của những người nghỉ hưu trước năm 2004 còn nhiều bất cập. Kiến nghị điều chỉnh chính sách lương hưu hợp lý hơn đối với các đối tượng này, nhằm đảm bảo sự công bằng. (Kiến nghị số 129 của Cử tri thành phố Cần Thơ)

Chế độ tiền lương của nước ta hiện nay chưa phù hợp, chưa đảm bảo được đời sống của những người có nguồn thu nhập chủ yếu từ lương. Chế độ lương của những người nghỉ hưu trước năm 1990 so với những người nghỉ hưu sau có sự chênh lệch lớn, cần có giải pháp phù hợp đảm bảo cuộc sống cho những người này. (Kiến nghị số 130 của Cử tri tỉnh Ninh Thuận, Trà Vinh)

Về chế độ bảo hiểm xã hội đối với những đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước nghỉ hưởng chế độ hưu trí trước thời điểm cải cách tiền lương (năm 1993): trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách nhằm điều chỉnh tăng mức hưởng chế độ hưu trí của nhóm đối tượng đã nghỉ hưu trước năm 1993 phần lớn là thấp và có sự chênh lệch khá cao so với nhóm đối tượng nghỉ hưu sau khi có chính sách cải cách tiền lương. Trong điều kiện hiện nay, nhóm đối tượng này còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Đề nghị trong quá trình nghiên cứu ban hành chính sách đối với những người đang nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội cần quan tâm điều chỉnh tăng mức hưởng chế độ đối với nhóm đối tượng đã nghỉ hưu trước năm 1993 để giảm khoảng cách chênh lệch, cải thiện thu nhập, đảm bảo đời sống cho những người đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng. (Kiến nghị số 133 của Cử tri tỉnh Yên Bái)

Hiện nay, chế độ chính sách đối với cán bộ hưu trí trước đây đã trải qua hai cuộc kháng chiến còn thấp, chưa đủ đảm bảo cuộc sống. Cử tri kiến nghị trong công tác cải cách tiền lương cần quan tâm ưu tiên cho các đối tượng này. (Kiến nghị số 135 của Cử tri tỉnh Ninh Thuận)

Cử tri phản ánh: đối tượng tham gia cách mạng sau năm 1945 và về hưu trước năm 1993 có quá trình cống hiến nhiều, qua hai thời kỳ kháng chiến nhưng hiện nay lương hưu rất thấp. Đề nghị quan tâm hơn đối với lực lượng này. (Kiến nghị số 136 của Cử tri tỉnh Bình Thuận)

Cử tri bức xúc cho rằng chế độ, chính sách và lương hưu của cán bộ nghỉ hưu từ năm 1993 về trước còn rất thấp, trong khi đó, các đối tượng này đều trải qua các thời kỳ chiến tranh bảo vệ đất nước, nhiều cán bộ hưu trí tuổi đã cao, bệnh tật, đời sống khó khăn. Đề nghị nâng các chế độ, chính sách và lương hưu cho cán bộ nghỉ hưu từ năm 1993 về trước phù hợp với tình hình hiện nay, đảm bảo công bằng cho tất cả các đối tượng qua từng thời kỳ, hạn chế chênh lệch quá lớn về mức hưởng trong cùng một đối tượng nhưng khác thời kỳ. (Kiến nghị số 137 của Cử tri tỉnh Thái Bình, Bắc Kạn, Khánh Hòa, Kiên Giang, Bình Thuận, Yên Bái, Tiền Giang, Tây Ninh, Phú Yên, Bà Rịa- Vũng Tàu, Bến Tre)

Đề nghị không nên tăng lương theo kiểu bình quân như vừa qua vì những

người nghỉ hưu trước năm 1992 mức hưởng trợ cấp rất thấp nên việc tăng lương bình quân cũng sẽ thấp. (Kiến nghị số 138 của cử tri Tây Ninh)

Hiện nay, chế độ chính sách đối với cán bộ hưu trí trước đây đã trải qua hai cuộc kháng chiến còn thấp, chưa đủ đảm bảo cuộc sống. Cử tri kiến nghị trong công tác cải cách tiền lương, cần quan tâm, ưu tiên cho các đối tượng này. (Kiến nghị số 224 của Cử tri Đà Nẵng, Ninh Thuận)

Các Kiến nghị số 128, 129, 130, 131, 132, 133, 135, 136, 137, 138, 224, 226, 01 có chung nội dung về điều chỉnh lương hưu cho người nghỉ hưu ở thời kỳ trước năm 1995 và phương pháp điều chỉnh lương hưu, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội xin được trả lời như sau:

Một trong những nguyên tắc khi thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội là "mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội", theo đó mức lương hưu hàng tháng của người lao động được tính trên cơ sở thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội và mức tiền lương, tiền công tháng làm căn cứ tính đóng bảo hiểm xã hội. Như vậy, đối với những người có cùng thời gian công tác hoặc cùng chức vụ như nhau thì tiền lương hưu cao hơn hay thấp hơn sẽ phụ thuộc vào mức tiền lương, tiền công tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội và thời gian đã tham gia bảo hiểm xã hội theo mức tiền lương, tiền công đó. Do chính sách tiền lương được quy định ở mỗi thời kỳ có khác nhau nên dẫn tới mức hưởng lương hưu trên thực tế có sự chênh lệch ở các đối tượng thụ hưởng tùy thuộc vào thời điểm nghỉ hưu. Việc thực hiện điều chỉnh tăng lên đồng loạt một mức trên cơ sở số tiền tuyệt đối là không phù hợp vì sẽ cào bằng các đối tượng, xóa bỏ sự ghi nhận quá trình công tác, cống hiến, đóng góp của người lao động và không phản ánh đúng nguyên tắc đóng, hưởng trong chính sách bảo hiểm xã hội.

Hiện nay, việc điều chỉnh lương hưu được thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Bảo hiểm xã hội: "Lương hưu được điều chỉnh trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá sinh hoạt và tăng trưởng kinh tế". Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về "một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020": xây dựng Đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đến năm 2020, trong đó có lộ trình để thực hiện việc điều chỉnh lương hưu độc lập với điều chỉnh tiền lương của người tại chức.

Về kiến nghị những người nghỉ hưu trước năm 1995 (trong số đó nhiều người có nhiều công lao, thành tích đóng góp cho cách mạng) hiện nay mức lương hưu thấp, không đảm bảo cuộc sống. Ngày 05/11/2013, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có công văn số 4309/LĐTBXH-BHXH gửi Sở Lao động- Thương binh và Xã hội 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng lương hưu của người nghỉ hưu qua các thời kỳ để có cơ sở cho việc nghiên cứu, đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống chính pháp luật về bảo hiểm xã hội.

6. Đề nghị xem xét có chính sách giảm độ tuổi nghỉ hưu so với quy định hiện hành 5 năm và có các chế độ ưu đãi khác đối với công chức cấp xã công tác tại miền

núi, vùng sâu vùng xa điều kiện đi lại khó khăn. (Kiến nghị số 194 của Ủy tri tỉnh Lạng Sơn)

Đề nghị xem xét giảm độ tuổi nghỉ hưu đối với những người sống và làm việc tại các xã vùng cao khó khăn từ 60 tuổi xuống 55 tuổi đối với nam và từ 55 tuổi xuống 50 tuổi đối với nữ. (Kiến nghị số 195 của Ủy tri tỉnh Lào Cai, Bắc Kạn)

Kiến nghị số 194 và 195 có chung nội dung về độ tuổi nghỉ hưu, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội xin được trả lời như sau:

Bộ luật Lao động được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013. Theo quy định tại Điều 187 Bộ luật Lao động thì người lao động bảo đảm điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội, người lao động có đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu khi nam từ đủ 55 tuổi đến đủ 60 tuổi, nữ từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi và có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ mười lăm năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên.

Như vậy, đối với người lao động (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã) có đủ 15 năm làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu được giảm tối đa 5 tuổi so với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường.

7. Một số trường hợp đủ tiêu chuẩn hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (hưu trí, bảo hiểm xã hội một lần,...) nhưng do mất giấy tờ gốc nên không được giải quyết chế độ. Đề nghị có hướng dẫn cụ thể để những đối tượng này được hưởng chế độ bảo hiểm. (Kiến nghị số 197 của Ủy tri thành phố Hải Phòng)

Trong thực tế có những trường hợp có thời gian công tác trước năm 1995 nhưng chưa được ghi nhận trong sổ bảo hiểm xã hội do hồ sơ gốc bị thất lạc hoặc không đầy đủ nên gặp khó khăn khi giải quyết chế độ hưu trí. Để giải quyết đối với những trường hợp này, tại khoản 9 mục D Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/01/2007 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định “Trường hợp khi cấp sổ bảo hiểm xã hội hoặc khi giải quyết chế độ hưu trí, từ tuất đối với người lao động chưa được cấp sổ bảo hiểm xã hội mà không còn hồ sơ gốc thì phải có văn bản của cơ quan chủ quản giải trình lý do bị mất, đồng thời xác nhận về quá trình tham gia bảo hiểm xã hội và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những xác nhận đó, kèm theo các giấy tờ có liên quan đến thời gian làm việc, nơi làm việc, tính chất công việc, tiền lương, tiền công (nếu có)”.

8. Kiến nghị có chế độ hỗ trợ cho cán bộ xã nghỉ hưu, hiện nay lương hưu rất thấp, đời sống khó khăn. (Kiến nghị số 198 của Ủy tri tỉnh Tuyên Quang)

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội “mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng và thời gian đóng bảo hiểm xã hội”, mức lương hưu hàng tháng của người lao động (bao gồm cả cán bộ xã nghỉ hưu) được tính trên cơ sở thời gian đóng bảo hiểm xã hội và mức tiền lương, tiền công tháng làm căn cứ

tính đóng bảo hiểm xã hội. Như vậy, mức lương hưu của người nghỉ hưu phụ thuộc vào mức tiền lương, tiền công tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội và thời gian đóng bảo hiểm xã hội của người lao động khi còn làm việc.

Hiện nay, việc điều chỉnh lương hưu được thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Bảo hiểm xã hội: "Lương hưu được điều chỉnh trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá sinh hoạt và tăng trưởng kinh tế". Từ năm 2008 đến nay, Chính phủ đã thực hiện 7 lần điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, theo đó lương hưu của người nghỉ hưu đã được điều chỉnh tăng thêm 156% so với mức lương hưu của tháng 12/2007. Như vậy, qua các lần điều chỉnh lương hưu của Chính phủ đã từng bước góp phần cải thiện đời sống của người nghỉ hưu.

**9. Đề nghị sớm triển khai hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc. (Kiến nghị số 199 của Ủy tri tỉnh Bắc Giang)**

Ngày 21/8/2013, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 13/2013/TT-BLĐTBXH hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ.

**10. Đề nghị Bộ LĐTBXH quy định thống nhất một mức hưởng tuất hàng tháng để đảm bảo công bằng cho người hưởng chế độ. (Kiến nghị số 200 của Ủy tri tỉnh Bắc Ninh)**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Luật Bảo hiểm xã hội 2006 thì: *người đang hưởng tiền tuất hàng tháng trước ngày Luật Bảo hiểm xã hội có hiệu lực thì vẫn thực hiện theo các quy định trước đây và được điều chỉnh mức hưởng theo quy định của pháp luật.*

Như vậy, đúng là hiện nay trong chính sách bảo hiểm xã hội đang tồn tại đồng thời hai mức trợ cấp tuất hàng tháng là 40% và 50% mức lương tối thiểu chung (nay là mức lương cơ sở) tùy thuộc vào thời điểm thân nhân người lao động hưởng trợ cấp tuất hàng tháng trước hoặc sau khi Luật Bảo hiểm xã hội 2006 có hiệu lực thi hành. Điều này tạo ra sự so sánh giữa các đối tượng thụ hưởng.

Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội cũng nhận thấy rằng, một trong những hạn chế khi thực hiện cải cách chính sách hiện nay là rất khó để đảm bảo quyền lợi cho tất cả các đối tượng trước và sau khi chính sách mới được ban hành. Mỗi sự thay đổi trong chính sách nói chung đều có những tác động khác nhau tới các nhóm đối tượng điều chỉnh khác nhau.

Trong chính sách bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội 2006, nhiều chế độ đã được hoàn thiện và góp phần tăng thêm quyền lợi của người lao động và thân nhân người lao động khi thụ hưởng chính sách (như ở chế độ tai nạn lao động, chế độ hưu trí, chế độ tử tuất,... chính sách mới có lợi hơn cho các đối tượng thụ hưởng). Tuy nhiên, nếu mỗi lần cải cách chính sách lại đặt ra phải tính toán hồi tố để đảm bảo quyền lợi cho tất cả các đối tượng đã và đang thụ

hưởng chính sách trước đó là rất khó thực hiện và làm tăng thêm gánh nặng về tài chính cho phương án cải cách chính sách.

Qua ý kiến và kiến nghị của cử tri về mức hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội sẽ có nghiên cứu và báo cáo đánh giá giải trình trong quá trình xây dựng và trình dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), dự kiến trình Quốc hội tại kỳ họp đầu năm 2014.

**11. Đề nghị xem xét chế độ cho người chồng được nghỉ chăm sóc vợ trong lúc vợ nghỉ thai sản (thời gian khoảng 1 tháng đối với trường hợp 2 vợ chồng đều là công chức).** *(Kiến nghị số 206 của Cử tri tỉnh Trà Vinh)*

Theo chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII, Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) dự kiến được Quốc hội cho ý kiến vào kỳ họp đầu năm 2014 và thông qua tại kỳ họp cuối năm 2014. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội được Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi).

Theo dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) trình Chính phủ, trong đó có đề xuất lao động nam đang tham gia bảo hiểm xã hội khi vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản 5 ngày làm việc đối với trường hợp sinh thường và 7 ngày làm việc đối với trường hợp sinh con phải phẫu thuật.

**12. Đề nghị trả lời Công văn số 734/UBND-VX ngày 05/3/2013 và Công văn số 2356/UBND-VX ngày 28/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam liên quan đến hơn 300 trường hợp đã được giải quyết chế độ thôi việc năm 1991-1994.** *(Kiến nghị số 209 của cử tri tỉnh Quảng Nam)*

Ngày 04/12/2013, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 4797/LĐTBXH-BHXH trả lời Công văn số 2356/UBND-VX ngày 28/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, trong đó đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam thực hiện thanh toán tiền trợ cấp một lần đối với 346 người lao động đã nộp hồ sơ theo hướng đảm bảo giá trị của khoản trợ cấp tại thời điểm thanh toán. Đối với 35 trường hợp còn lại, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam căn cứ các văn bản hướng dẫn tính thời gian công tác trước năm 1995 để hưởng bảo hiểm xã hội, kiểm tra, báo cáo chi tiết cho mỗi trường hợp, có văn bản gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, trả lời.

Về việc hỗ trợ kinh phí giải quyết trợ cấp một lần, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đã có Công văn số 2354/UBND-VX ngày 28/6/2013 xin ý kiến Bộ Tài chính. Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính.

**13. Cử tri phản ánh về thời gian công tác trong quân đội là 15 năm 11 tháng (phục viên tháng 8/1990), chưa hưởng chế độ trợ cấp một lần theo các quy định của pháp luật, từ tháng 5/2004 đến nay giữ các chức vụ Phó Chủ tịch, Chủ tịch UBND phường, nhưng không được xem xét cộng nối thời gian trong quân đội với thời gian giữ chức danh để tính thời gian đóng bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 4 Điều 139 Luật Bảo hiểm xã hội do không thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998, đề nghị quan tâm, xem xét.** *(Kiến nghị số 210 của Cử tri tỉnh Lạng Sơn)*



Việc tính thời gian tham gia quân đội đối với quân nhân, công an nhân dân đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 15/12/1993 sau đó làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại các doanh nghiệp ngoài nhà nước đã được quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 153/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19/4/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân. Theo đó, quân nhân, công an nhân dân đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 15/12/1993, sau đó chuyển sang làm việc có tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cả năm chế độ mà không hưởng chế độ trợ cấp một lần thì được cộng nối thời gian công tác trong quân đội, công an trước đó với thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội sau này để tính hưởng bảo hiểm xã hội.

14. Một số cử tri là giáo viên mầm non, Trung học cơ sở, đề nghị Bảo hiểm xã hội điều chỉnh cho phép các đối tượng là giáo viên đã nghỉ thôi việc, sau đó quay trở lại ngành vào trước những năm 2000 được đóng bảo hiểm xã hội 1 lần, hoặc kéo dài thời gian công tác đến khi đủ số năm đóng bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu. Các đối tượng này quay lại ngành giáo viên tại thời điểm Nghị định 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ bảo hiểm xã hội quy định: Người lao động được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng với mức lương hưu thấp hơn chế độ hưu trí khi có 1 trong các điều kiện sau: “Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm đến dưới 20 năm” tại Điều 27 quy định: “Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội tính thêm 2%. Mức lương hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội”. Đến nay Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi, theo đó, có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi mới được hưởng lương hưu. Do đó các đối tượng này đủ tuổi nghỉ hưu nhưng không đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội, nên khi nghỉ không có lương hưu lúc tuổi về già, hết khả năng lao động lại phải lo thêm khoản tiền đóng bảo hiểm xã hội để chờ hưởng hưu. *(Kiến nghị số 216 của Cử tri tỉnh Bắc Ninh)*

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, người lao động có đủ điều kiện về tuổi đời được hưởng lương hưu hàng tháng khi có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu 20 năm. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho những người đủ điều kiện về tuổi đời nhưng chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP ngày 28/12/2007 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện quy định người lao động nghỉ việc đã hết tuổi lao động, có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, có nhu cầu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thì được đóng tiếp bảo hiểm xã hội tự nguyện cho đến khi đủ 20 năm để hưởng lương hưu hàng tháng. Luật Bảo hiểm xã hội quy định 3 phương thức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện là đóng hằng

tháng, hằng quý hoặc sáu tháng một lần, không có phương thức đóng một lần cho số năm còn thiếu theo kiến nghị của cử tri.

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội xin ghi nhận kiến nghị của cử tri để nghiên cứu trong quá trình xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi).

**15. Cử tri đề nghị có chính sách cho Trưởng ấp, Bí thư chi bộ ấp tham gia hoạt động cách mạng từ 10 năm trở lên khi về hưu được hưởng 1 năm/1 tháng lương.** (Kiến nghị số 218 của Cử tri tỉnh Cà Mau)

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành, Trưởng ấp, Bí thư chi bộ ấp không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Như vậy, nếu có nguyện vọng thì Trưởng ấp, Bí thư chi bộ ấp có thể tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện để được hưởng lương hưu khi đáp ứng đủ điều kiện về tuổi đời và thời gian đóng bảo hiểm xã hội.

Nội dung cử tri kiến nghị ngoài chính sách bảo hiểm xã hội, đề nghị cử tri gửi kiến nghị đến Bộ Nội vụ để được trả lời theo thẩm quyền.

**16. Cử tri cho rằng, việc bảo hiểm xã hội quy định kéo dài một năm sau mới thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội một lần cho người nghỉ việc trước tuổi hưu (nhưng không đủ điều kiện hưởng lương hưu hàng tháng) là chưa phù hợp. Bởi lẽ, thời gian này chỉ phù hợp với các lao động trẻ tuổi, có cơ hội tìm kiếm công việc mới, còn đối với những người đã lớn tuổi (trên 50 tuổi) thì cơ hội tìm kiếm công việc mới là rất khó, vì vậy họ cần phải được thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội một lần ngay sau khi nghỉ việc.** (Kiến nghị số 222 của Cử tri tỉnh Ninh Thuận)

Luật Bảo hiểm xã hội quy định người lao động chưa đủ hai mươi năm đóng bảo hiểm xã hội sau một năm nghỉ việc nếu không tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội và có yêu cầu thì được giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần. Quy định này nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để người lao động tiếp tục tham gia đóng bảo hiểm xã hội để được hưởng lương hưu hằng tháng, đảm bảo ổn định cuộc sống người lao động khi hết tuổi lao động. Đặc biệt, theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội người lao động nếu không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội thì có thể tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện sẽ được cộng với thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi giải quyết hưởng chế độ hưu trí đối với người lao động.

**17. Đề nghị Chính phủ nghiên cứu về việc cho đối tượng thanh niên xung phong khi đi làm việc tại các cơ quan nhà nước được cộng nổi thời gian làm việc để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.** (Kiến nghị số 225 của Cử tri tỉnh Nghệ An)

Theo quy định tại Thông tư số 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ và văn bản số 3634/LĐ-TBXH ngày 09/10/1997 thì thanh niên xung phong do Trung ương Đoàn Thanh niên tổ chức, khi hết thời hạn được chuyển ngay sang cơ quan, xí nghiệp nhà nước hoặc đã về địa phương một thời gian rồi mới được tuyển vào cơ quan, xí nghiệp đều được cộng cả thời gian phục vụ ở Đoàn Thanh niên xung phong với thời gian ở cơ quan, xí nghiệp để tính hưởng bảo hiểm xã hội.

Thanh niên xung phong thuộc đối tượng quy định tại Chỉ thị số 460/TTg

ngày 23/9/1978 của Thủ tướng Chính phủ, sau khi hết nhiệm kỳ phục vụ được tuyển vào cơ quan, doanh nghiệp nhà nước thì được tính thời gian để hưởng bảo hiểm xã hội kể từ ngày tuyển vào thanh niên xung phong.

Thời gian tham gia các Đoàn Thanh niên do địa phương tổ chức để làm các công tác ở địa phương, không thoát ly kinh tế gia đình thì không được tính để hưởng bảo hiểm xã hội.

**18. Đề nghị xem xét, nghiên cứu bổ sung chính sách ưu đãi phụ cấp hàng tháng cho các đối tượng thoát ly trước năm 1975.** (Kiến nghị số 214 của cử tri tỉnh Phú Yên)

Chính sách bảo hiểm xã hội quy định cụ thể về tính thời gian công tác đối với đối tượng thoát ly trước năm 1975 tại Thông tư số 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ. Do đó, về cơ bản, các đối tượng trên cũng đã được tính thời gian công tác để làm cơ sở tính hưởng bảo hiểm xã hội.

Nội dung cử tri kiến nghị ngoài chính sách bảo hiểm xã hội, đề nghị cử tri gửi kiến nghị đến các cơ quan liên quan để được trả lời theo thẩm quyền.

**19. Đề nghị có chính sách đặc thù đối với công nhân làm việc trực tiếp trong hầm lò (được miễn giảm thuế thu nhập cá nhân; công nhân cơ điện lò, công nhân vận hành thiết bị trong hầm lò được hưởng các chế độ, chính sách như công nhân khai thác lò ...) để động viên và thu hút lao động vào làm việc trong ngành mỏ vì lao động ngành mỏ vất vả, chịu nhiều di chứng sau thời gian lao động nặng nhọc hơn các ngành, nghề khác.** (Kiến nghị số 109 của Cử tri tỉnh Quảng Ninh)

Theo quy định tại Điều 102 của Bộ luật Lao động năm 2012 thì các chế độ trợ cấp, phụ cấp, nâng bậc, nâng lương và các chế độ khuyến khích đối với người lao động được thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc quy định trong quy chế của người sử dụng lao động. Vì vậy, đề nghị cử tri kiến nghị với Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam để có chế độ, chính sách đặc thù đối với công nhân làm việc trực tiếp trong hầm lò nhằm động viên và thu hút lao động vào làm việc trong ngành mỏ. Bên cạnh đó, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ phối hợp cùng Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Về kiến nghị miễn giảm thuế thu nhập cá nhân đề nghị cử tri liên hệ với Bộ Tài chính để được xem xét, giải quyết.

**20. Về việc tăng lương tối thiểu, Cử tri cho rằng về lâu dài nên tăng theo hướng tiền lương phải đủ để người lao động tái tạo sức lao động, nuôi con và có một phần tích lũy; cần có lộ trình tăng lương phù hợp, tránh việc tăng lương làm giá cả tăng theo.** (Kiến nghị số 124 của Cử tri tỉnh Đắk Lắk, Sóc Trăng)

Cử tri phản ánh hiện nay đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, chỉ số giá tiêu dùng tăng, giá xăng dầu, các mặt hàng thiết yếu đều tăng cao...; trong khi đó mức lương tối thiểu tăng không đáng kể, không đủ để người lao động đảm bảo cuộc sống. Đề nghị có giải pháp hữu hiệu nhằm giải quyết tình trạng trên. (Kiến nghị số 125 của cử tri tỉnh Sóc Trăng)

Kiến nghị số 124, 125 của Cử tri liên quan đến việc điều chỉnh mức lương tối

thiếu, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời như sau:

Đối với việc điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng, theo quy định Bộ luật Lao động năm 2012, căn cứ vào nhu cầu sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ, điều kiện kinh tế - xã hội và mức tiền lương trên thị trường lao động Chính phủ công bố mức lương tối thiểu vùng trên cơ sở khuyến nghị của Hội đồng tiền lương quốc gia.

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 03/7/2013 thành lập Hội đồng tiền lương quốc gia, gồm đại diện của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam và tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở trung ương. Hội đồng có nhiệm vụ căn cứ vào các quy định của pháp luật, nghiên cứu, phân tích tình hình kinh tế - xã hội, mức sống dân cư để xác định, dự báo nhu cầu sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ; đánh giá tình hình thực hiện mức lương tối thiểu vùng, tác động của việc điều chỉnh mức lương tối thiểu đến giá cả; xác định lộ trình điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng hằng năm và từng thời kỳ để khuyến nghị với Chính phủ. Với vai trò là thành viên của Hội đồng tiền lương quốc gia, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ tham gia tích cực với Hội đồng trong việc xây dựng phương án điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng hằng năm

Đối với điều chỉnh mức lương cơ sở của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Bộ Nội vụ. Vì vậy, để có những thông tin thiết thực, đề nghị cử tri liên hệ với Bộ Nội vụ để được trả lời.

**21. Đề nghị Chính phủ xem xét, quy định lại chế độ tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước, nhằm bảo đảm công bằng, hợp lý trong hệ thống thang bậc chung, đồng thời khẩn trương chấn chỉnh tình trạng nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ nhưng tự ý nâng lương cho cán bộ quản lý quá cao so với mặt bằng chung. (Kiến nghị số 139 của Cử tri tỉnh Quảng Nam)**

**Đề nghị tăng cường quản lý, kiểm tra các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các doanh nghiệp công ích, tránh tình trạng buông lỏng quản lý để xảy ra hiện tượng lương khủng như vừa qua. (Kiến nghị số 223 của Cử tri tỉnh Tiền Giang)**

Theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Lao động năm 2012 và Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ thì tất cả các doanh nghiệp (kể cả Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu) phải tự xây dựng thang lương, bảng lương đối với người lao động theo các nguyên tắc do Chính phủ quy định để tuyển dụng, sử dụng lao động, thỏa thuận mức lương ghi trong hợp đồng lao động và trả lương cho người lao động.

Đối với viên chức quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu Chính phủ đã ban hành Nghị định số 51/NĐ-CP ngày 14/5/2013 quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng; theo đó tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với viên chức quản lý doanh nghiệp được tách riêng với quỹ lương của người lao động và được gắn với các chỉ tiêu bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, nộp ngân sách, lợi nhuận và năng suất lao động, có khống chế mức lương tối đa nhằm khắc phục tình trạng tiền lương của viên chức quản lý ở một số Tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp hiện nay quá cao. Đối với công

ty lỗ thì mức tiền lương của viên chức quản lý bằng mức tiền lương chế độ tính trên cơ sở hệ số lương theo thang, bảng lương do Chính phủ quy định và mức lương cơ sở.

Đối với công ty thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thì tiền lương của viên chức quản lý cũng đã được khống chế mức tối đa và điều chỉnh theo khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện hàng năm.

Chính phủ cũng giao rõ trách nhiệm của Hội đồng thành viên hàng năm phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu Chính phủ về tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập bình quân hàng tháng năm trước liền kề của từng viên chức quản lý; kiểm soát viên hàng năm phải rà soát, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo chủ sở hữu việc thực hiện trách nhiệm của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc theo quy định và Chủ sở hữu định kỳ hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với các công ty được phân công làm chủ sở hữu.

**22. Đề nghị sớm giải quyết chế độ trợ cấp cho những người đi tiền trạm kinh tế mới ở các tỉnh phía Nam giai đoạn 1976-1980.** (Kiến nghị số 215 của Cử tri tỉnh Thái Bình)

Sau khi nhận được Đề án giải quyết chế độ cho lực lượng lao động của Thái Bình làm nhiệm vụ tiền trạm xây dựng các vùng kinh tế mới ở các tỉnh phía Nam thời kỳ 1976-1980 (gửi kèm công văn số 892/UBND-VX ngày 23/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình), Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã có ý kiến tham gia tại công văn số 1537/LĐTBXH-LĐTL ngày 06/5/2013 và công văn số 1578/LĐTBXH-LĐTL ngày 09/5/2013. Trong đó, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình hoàn thiện Đề án, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Vì vậy, để có cơ sở ban hành chính sách trợ cấp cho những người đi tiền trạm kinh tế mới ở các tỉnh phía Nam giai đoạn 1976-1980, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị cử tri kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình hoàn thiện Đề án, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**23. Đề nghị Chính phủ xem xét lại và có cơ chế chính sách riêng để hỗ trợ cho những người nghỉ việc hưởng chế độ một lần trước năm 1992 vì những đối tượng này thời điểm đó nhận tiền hưởng trợ cấp nghỉ việc rất ít, hiện nay đa số có đời sống kinh tế rất khó khăn.** (Kiến nghị số 138 của Cử tri tỉnh Tây Ninh)

Cử tri cho rằng trong thập kỷ 80 và 90 của thế kỷ trước có nhiều đối tượng là cán bộ, nhân viên công tác trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có thời gian công tác dài (trên 15, 20 năm) khi về nghỉ hưởng chế độ 1 lần thì hiện nay không có chế độ gì, do đó cử tri đề nghị Nhà nước quan tâm xem xét, có chính sách giúp đỡ đối tượng này giảm bớt khó khăn trong cuộc sống. (Kiến nghị số 196 của Cử tri thành phố Hải Phòng)

Đối với người lao động đã nghỉ việc hưởng chế độ một lần trước năm 1992, trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ được giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời như sau:

a) Đối với người lao động nghỉ việc hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 176-HĐBT ngày 09/10/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về sắp xếp lại lao động trong các đơn vị kinh tế quốc doanh.

Chế độ thôi việc hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 176/HĐBT được ban hành phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của những năm đầu thập niên 1990, đã tháo gỡ một phần khó khăn cho các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình chuyển đổi sang hoạt động theo cơ chế thị trường mà có nhiều lao động không bố trí, sắp xếp được việc làm, đồng thời, tạo điều kiện cho người lao động tìm việc làm mới để nâng cao thu nhập nên được cả doanh nghiệp và người lao động đồng tình thực hiện, dư luận hoan nghênh. Sau khi nghỉ việc tại doanh nghiệp nhà nước và nhận trợ cấp một lần, hầu hết người lao động đã tìm được việc làm mới, có điều kiện nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của bản thân và gia đình.

Thời gian qua, một số người lao động nghỉ việc nhận trợ cấp một lần theo Quyết định số 176-HĐBT kiến nghị nhà nước có chính sách hỗ trợ phụ cấp. Để đảm bảo tính phù hợp của hệ thống chính sách, pháp luật trong từng thời kỳ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã nhiều lần báo cáo với các cơ quan liên quan và đề nghị đối với những người có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp thì xem xét trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Đối với các đối tượng nghỉ việc hưởng chế độ một lần theo các văn bản khác thì đề nghị cử tri liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được trả lời.

24. Bộ luật Lao động Việt Nam được Quốc hội thông qua năm 2012 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2013, trong đó có rất nhiều điều khoản cần được hướng dẫn thi hành, tuy nhiên đến nay những điều khoản đó vẫn chưa có văn bản Thông tư hay Nghị định hướng dẫn cụ thể để áp dụng trong thực tế gây khó khăn cho cơ quan quản lý và các doanh nghiệp thuê mướn, trả lương cho người lao động, đơn cử như việc quy định mức lương tối thiểu chung; tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm quy định tại Điều 97 (*Người lao động làm thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người lao động còn được trả thêm 20% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc làm vào ban ngày*)... những quy định này hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn nên dẫn đến việc áp dụng không thống nhất, mỗi nơi mỗi kiểu ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Cử tri đề nghị, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội sớm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành để luật sớm đi vào cuộc sống. (*Kiến nghị số 110 của Cử tri tỉnh Bình Dương*)

Đối với Bộ Luật lao động và Luật Công đoàn chưa triển khai thực hiện do chưa có Thông tư hướng dẫn (Chính phủ đã có Nghị định). Đề nghị các sớm ban hành thông tư thực hiện Nghị định của Chính phủ về Bộ Luật lao động và Luật Công đoàn. (*Kiến nghị số 111 của Cử tri tỉnh An Giang*)

Kiến nghị số 110, 111 liên quan đến việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Bộ luật Lao động năm 2012 và Luật Công đoàn năm 2012, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời như sau:

Để quy định chi tiết Bộ luật Lao động năm 2012 và Luật Công đoàn năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày

18/9/2012 về việc ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành các luật được thông qua tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khoá XIII. Đến nay, các văn bản hướng dẫn Bộ luật Lao động năm 2012 đã ban hành gồm 11 Nghị định và 09 Thông tư, văn bản hướng dẫn Luật Công đoàn năm 2012 đã ban hành 02 Nghị định (Phụ lục kèm theo).

Trong quá trình quản lý nhà nước xét thấy cần phải xây dựng thêm văn bản hướng dẫn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, theo đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ, thừa uỷ quyền Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin ý kiến các đề xuất xây dựng 07 Nghị định, tại Công văn số 4910/VPCP-KGVX ngày 18/6/2013 Thủ tướng Chính phủ đồng ý giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và trình Chính phủ ban hành 07 Nghị định, trong đó hướng dẫn những vấn đề còn vướng mắc khi thi hành Bộ luật Lao động, cụ thể như sau:

+ Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm (số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014).

+ Nghị định quy định điều kiện thành lập và hoạt động của Doanh nghiệp dịch vụ việc làm (Đã trình).

+ Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tuyển dụng và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (Đã trình).

+ Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động giúp việc gia đình (Đã trình).

+ Nghị định quy định chi tiết thi hành Bộ luật Lao động về Hợp đồng lao động, tiền lương, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất và giải quyết tranh chấp lao động (Đã trình).

+ Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc Tổ chức đại diện tập thể lao động và Tổ chức đại diện người sử dụng lao động tham gia với cơ quan nhà nước về chính sách pháp luật và những vấn đề có liên quan đến quan hệ lao động (Đã trình).

+ Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ luật Lao động, Luật Dạy nghề, Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về khiếu nại, tố cáo (Đang hoàn thiện Hồ sơ trình).

Đối với việc đề nghị sớm ban hành các Thông tư thực hiện Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Bộ luật Lao động và Luật Công đoàn: Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ đã ban hành 09 Thông tư hướng dẫn (Phụ lục kèm theo). Theo quy định tại 02 Nghị định hướng dẫn Luật Công đoàn năm 2012, Chính phủ không giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Thông tư hướng dẫn.

**25. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cấp, các ngành chức năng xử lý nghiêm các cơ quan, doanh nghiệp không chấp hành Luật Công đoàn, Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội. (Kiến nghị số 9 theo Công văn 404/VPCP-V.III ngày 16/01/2014**

*của Văn phòng Chính phủ)*

Triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, ngày 28/08/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 95/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Nghị định này thay thế Nghị định số 47/2010/NĐ-CP ngày 06/05/2010 quy định xử phạt hành chính về vi phạm pháp luật lao động và Nghị định số 86/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội).

Nghị định số 95/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2013 đã thể chế hóa các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định đầy đủ các hành vi vi phạm các quy định của Luật Công đoàn, Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội; mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm. Cụ thể, Chương II quy định các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực lao động, công đoàn trong quan hệ lao động; Chương III quy định các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Nghị định số 95/2013/NĐ-CP đã tạo hành lang pháp lý để các cơ quan có thẩm quyền xử phạt các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm. Trong thời gian tới, Chính phủ sẽ tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương nghiêm túc triển khai.

Trên đây là nội dung trả lời kiến nghị cử tri của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để quý Ban tổng hợp./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ QH; ✓
- Ủy ban về CVĐXH QH; ✓
- Ủy ban VHGDNTN&ND QH; ✓
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP; ✓
- Chủ nhiệm VPQH; ✓
- Trưởng đoàn ĐBQH 63 tỉnh, thành phố;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng (để b/c), các Thứ trưởng; Vụ LĐTL, Vụ BHXH, Vụ PC; ✓
- Lưu: VT, TK-TH. ✓

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Phạm Minh Huân*  
**Phạm Minh Huân**



## **PHỤ LỤC**

### **VĂN BẢN HƯỚNG DẪN BỘ LUẬT LAO ĐỘNG NĂM 2012 VÀ LUẬT CÔNG ĐOÀN NĂM 2012**

#### **I. Văn bản hướng dẫn Bộ luật Lao động năm 2012**

##### **1. Các Nghị định đã ban hành**

(1) Nghị định số 41/2013/NĐ-CP ngày 01/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Điều 220 của Bộ luật Lao động về Danh mục đơn vị sử dụng lao động không được đình công và giải quyết yêu cầu của tập thể lao động ở đơn vị sử dụng lao động không được đình công.

(2) Nghị định số 44/2013/NĐ-CP ngày 10/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động.

(3) Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.

(4) Nghị định số 46/2013/NĐ-CP ngày 10/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tranh chấp lao động.

(5) Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương.

(6) Nghị định số 55/2013/NĐ-CP ngày 22/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Khoản 3 Điều 54 của Bộ Luật lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và Danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động.

(7) Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết Khoản 3 Điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

(8) Nghị định 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công, viên chức và lực lượng vũ trang do Chính phủ ban hành (Bộ Nội vụ chủ trì).

(9) Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 05/09/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

(10) Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm.

(11) Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm.

##### **2. Các Thông tư hướng dẫn đã ban hành**

(1) Thông tư số 08/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 46/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5

năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tranh chấp lao động.

(2) Thông tư số 11/2013/TT-BLĐTBXH ngày 11/06/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc.

(3) Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/06/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên.

(4) Thông tư số 25/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật.

(5) Thông tư số 26/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định danh mục công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh đẻ và nuôi con của lao động nữ.

(6) Thông tư số 27/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về công tác Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động.

(7) Thông tư số 30/2013/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 44/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 05 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao Động về hợp đồng lao động.

(8) Thông tư số 01/2014/TT-BLĐTBXH ngày 08/01/2014 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 55/2013/NĐ-CP ngày 22/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và Danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động.

(9) Thông tư số 07/2013/TT-BNV ngày 31/07/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Tổ chức chính trị - xã hội và Hội có tính chất đặc thù.

## **II. Văn bản hướng dẫn Luật Công đoàn năm 2012**

(1) Nghị định số 200/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết Điều 11 Luật Công đoàn về quyền, trách nhiệm của công đoàn trong việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội.

(2) Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Điều 10 của Luật công đoàn về quyền, trách nhiệm của công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.